

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG KINH TẾ**

Số: 55 /2012/HĐKT

**Về việc: Kiểm tra, Thẩm định và Nghiệm thu sản phẩm “Xây dựng lưới địa chính, thành lập bản đồ và hồ sơ địa chính, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất xã Đại Thành và phường Hiệp Thành, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang”.**

Căn cứ Bộ Luật dân sự số 33/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2006;

Căn cứ Quyết định số 2738/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2008 của UBND tỉnh Hậu Giang V/v phê duyệt Dự án tổng thể xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2008-2010, định hướng đến năm 2015 tỉnh Hậu Giang;

Căn cứ Công văn số 213/UBND- KTTH ngày 20 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang V/v chọn hình thức đặt hàng để lựa chọn nhà thầu thực hiện 7 gói thầu còn lại của Dự án tổng thể;

Căn cứ Quyết định số 143/QĐ-STNMT ngày 28 tháng 3 năm 2012 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt Thiết kế Kỹ thuật – Dự toán: “Xây dựng lưới địa chính, thành lập bản đồ địa chính, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang”;

Căn cứ Quyết định số 224/QĐ-STNMT ngày 02 tháng 7 năm 2012 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang V/v điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 143/QĐ-STNMT ngày 28 tháng 3 năm 2012 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang;

Căn cứ Quyết định số 273/QĐ-SNTMT ngày 30 tháng 8 năm 2012 của Sở Tài nguyên và Môi trường V/v phê duyệt kết quả đặt hàng thực hiện công trình: Kiểm tra, Thẩm định và Nghiệm thu sản phẩm “Xây dựng lưới địa chính, thành lập bản đồ và hồ sơ địa chính, đăng ký cấp Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất xã Đại Thành và phường Hiệp Thành, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang,

Hôm nay, ngày 25 tháng 9 năm 2012, tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang, chúng tôi gồm có:

**1. Bên chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang (gọi tắt là bên A).**

Người đại diện: Ông Nguyễn Văn Huyền. Chức vụ: Giám đốc.



Địa chỉ: Số 3, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, khu vực 4, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Điện thoại: 0711.3.878894.

Fax: 0711.3.878895.

Tài khoản số 8123.2.1005849 - Tại Kho bạc Nhà nước Hậu Giang.

Mã số thuế: 1800544875.

**2. Bên thi công: Công ty Tư vấn Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất (gọi tắt là bên B).**

Đại diện là: PGS-TS. Trần Đình Kiên.

Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số 36, ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

Văn phòng giao dịch: Tầng 1 – nhà A – Trường Đại học Mỏ - Địa chất – Đông Ngạc – Từ Liêm – Hà Nội.

Điện thoại: 043.7550428.

Fax: 043.7550428.

Mã số thuế: 0101074336.

Tài khoản: 102010000686178 tại Ngân hàng Công thương Việt Nam – chi nhánh Nam Thăng Long – Hà Nội.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 113123 cấp ngày 24/10/2000

*Hai bên thoả thuận ký kết hợp đồng kinh tế với các điều khoản sau:*

**Điều 1. Nội dung công việc hợp đồng.**

Bên A giao cho bên B thực hiện công việc **Kiểm tra, Thẩm định và Nghiệm thu sản phẩm** “Xây dựng lưới địa chính, thành lập bản đồ và hồ sơ địa chính, đăng ký **phối hợp** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất xã Hiệp Lợi và phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang”. Gồm các công việc chính như sau:

**Khối lượng công việc chính:**

- Xây dựng lưới địa chính: 22 điểm.
- Thành lập bản đồ địa chính khoảng: 2.396.23 ha.
  - + Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000: 918,30 ha.
  - + Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000: 1.477,93 ha.
- Lập hồ sơ địa chính, đăng ký, cấp, đổi GCNQSDĐ: 6.696 giấy, trong đó:
  - + Cấp mới tại phường: 108 giấy.
  - + Cấp mới tại xã: 228 giấy.
  - + Cấp đổi tại phường: 2.118 giấy.
  - + Cấp đổi tại xã: 4.242 giấy.



## **Điều 2. Chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật.**

Tuân thủ theo các yêu cầu của quy trình quy phạm hiện hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thiết kế kỹ thuật dự toán đã được phê duyệt.

Sản phẩm Kiểm tra, Thẩm định và Nghiệm thu phải bảo đảm chất lượng theo quy định hiện hành và theo yêu cầu của chủ đầu tư (Bên A).

## **Điều 3. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán.**

### **3.1. Giá trị hợp đồng:**

Giá trị hợp đồng tạm tính sau thuế: **306.959.431 đồng**, làm tròn số là: **306.959.000 đồng**.

*(Bằng chữ: Ba trăm linh sáu triệu chín trăm năm mươi chín nghìn đồng chẵn).*

*Chi tiết xem trong bảng tính kinh phí đính kèm.*

Giá trị Hợp đồng được dự toán vào thời điểm mức lương cơ bản của nhà nước quy định là 830.000 đồng. Nay thi công vào thời điểm mức lương cơ bản là 1.050.000 đồng.

Nếu bên B có đề nghị tính lại theo mức lương cơ bản mới (1.050.000 đồng) thì bên A sẽ đề nghị UBND tỉnh cho phép tính lại theo mức lương mới. Chỉ cấp kinh phí cho bên B theo mức lương cơ bản mới (1.050.000 đồng) khi được cấp thẩm có quyền phê duyệt, đồng thời với việc lập Phụ lục Hợp đồng. Ngược lại, nếu cấp thẩm quyền không chấp nhận thì sẽ theo đúng giá dự toán đã được phê duyệt để thanh toán cho bên B.

**3.2. Giá trị quyết toán:** Giá trị quyết toán công trình sẽ căn cứ vào khối lượng công việc nghiệm thu, các định mức, quy định hiện hành và theo quyết toán cuối cùng của cấp có thẩm quyền.

### **3.3. Phương thức thanh toán kinh phí kiểm tra nghiệm thu:**

Kinh phí kiểm tra nghiệm thu được tính thông qua khối lượng thực hiện các công việc đã nghiệm thu. Việc thanh toán bằng chuyển khoản và thanh toán làm nhiều đợt theo khối lượng hoàn thành được chủ đầu tư xác nhận theo từng đợt, như sau:

- Khi hợp đồng được ký, bên B tổ chức triển khai thi công, bên A cấp tạm ứng cho bên B **40%** giá trị hợp đồng. Với số tiền **122.783.600 đồng** *(Bằng chữ: Một trăm hai mươi hai triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm đồng chẵn).*

- Khi hoàn thành công việc xây dựng lưới địa chính, đo đạc thành lập bản đồ địa chính và được chủ đầu tư nghiệm thu xong. Bên A sẽ thanh toán cho bên B không quá **90%** giá trị khối lượng hoàn thành đã được nghiệm thu (phải trừ **40%** kinh phí đã tạm ứng ban đầu).



- Khi hoàn thành công trình, hợp đồng được thanh lý, bên A thanh toán cho bên B phần kinh phí còn lại theo kế hoạch vốn được cấp và quyết toán được cấp thẩm quyền phê duyệt.

### **3.4. Kinh phí thanh toán hàng năm:**

Theo kế hoạch cấp vốn hàng năm của cơ quan có thẩm quyền cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

### **Điều 4. Thời gian thực hiện.**

Thời gian thực hiện hợp đồng: Bắt đầu kể từ ngày ký hợp đồng, kết thúc sau khi hoàn thiện hồ sơ địa chính bàn giao ba cấp.

### **Điều 5. Sản phẩm giao nộp.**

Bên B giao nộp cho bên A toàn bộ sản phẩm kiểm tra nghiệm thu gồm:

- Số liệu và kết quả kiểm tra.
- Hồ sơ kiểm tra nghiệm thu (theo Thông tư số 05/2009/TT-BTNMT ngày 01 tháng 06 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm địa chính).

### **Điều 6. Trách nhiệm của Bên A.**

**6.1.** Cung cấp cho Bên B các số liệu, tài liệu liên quan đến công tác (nếu có).

**6.2.** Giới thiệu Bên B liên hệ với các đơn vị thi công và các ban, ngành để giải quyết các vấn đề liên quan đến việc thực hiện công việc.

**6.3.** Thanh quyết toán công trình cho Bên B như điều 3.

### **Điều 7. Trách nhiệm của Bên B.**

**7.1.** Lập kế hoạch kiểm tra trước khi bắt đầu.

**7.2.** Tổ chức kiểm tra nghiệm thu công tác thi công công trình theo đúng yêu cầu kỹ thuật tại điều 2. Chịu trách nhiệm kiểm tra các đơn vị thi công chỉnh sửa các sản phẩm còn sai sót.

**7.3.** Giao nộp cho Bên A các tài liệu theo quy định trong luận chứng kinh tế kỹ thuật.

**7.4.** Xuất hóa đơn tài chính theo thực tế thanh quyết toán cho Bên A theo quy định.

**7.5.** Bảo mật tất cả các tài liệu được cung cấp để phục vụ công tác kiểm tra và các dữ liệu thu thập được trong quá trình kiểm tra. Không được phổ biến, cung cấp các tài liệu, dữ liệu này dưới mọi hình thức khi chưa có ý kiến của Bên A.



**Điều 8. Điều khoản chung.**

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã nêu trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có gì vướng mắc, hai bên cùng nhau thỏa thuận giải quyết. Trường hợp phát sinh tranh chấp về quyền và nghĩa vụ hợp đồng, nếu hai bên không thỏa thuận được sẽ do Tòa án kinh tế giải quyết.

- Hợp đồng được lập thành 10 bản có giá trị pháp lý như nhau; bên A giữ 06 bản, bên B giữ 04 bản và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A  
GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Văn Huyền**

**ĐẠI DIỆN BÊN B  
GIÁM ĐỐC**



PGS.TS. *Trần Đình Kiên*



## TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ

(Xã Đại Thành và Phương Hiệp Thành, TX Ngã Bàng, tỉnh Hậu Giang)

STT	Nội dung công việc	ĐVT	KK	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
<b>I</b>	<b>XÂY DỰNG LƯỚI ĐỊA CHÍNH</b>			<b>37</b>		<b>196.728.001</b>
1	Chọn điểm, chôn mốc bê tông	Điểm	2	37	1.992.045	73.705.670
2	Xây tường vây	Điểm	2	37	1.781.292	65.907.802
3	Tiếp điểm có tường vây	Điểm	3	4	410.435	1.641.741
4	Đo ngắm GPS, phục vụ KTNT	Điểm	2	41	1.135.982	46.575.281
5	Tính toán bình sai	Điểm	1-5	37	240.473	8.897.507
<b>II</b>	<b>ĐO VẼ BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH</b>			<b>3.452,09</b>		<b>5.890.428.992</b>
1	Đo vẽ BĐĐC tỷ lệ 1/1.000			<b>1.023,27</b>		<b>3.613.425.802</b>
	- Ngoại nghiệp	Ha		<b>1.023,27</b>		<b>3.129.011.617</b>
			3	500,00	2.573.184	1.286.592.165
			4	523,27	3.520.973	1.842.419.452
	- Nội nghiệp	Ha		<b>1.023,27</b>		<b>484.414.185</b>
			3	500,00	453.723	226.861.370
			4	523,27	492.199	257.552.816
2	Đo vẽ BĐĐC tỷ lệ 1/2.000			<b>2.428,82</b>		<b>2.277.003.189</b>
	- Ngoại nghiệp	Ha		<b>2.428,82</b>		<b>1.834.484.682</b>
			2	1.020,00	695.287	709.192.437
			3	1.408,82	798.748	1.125.292.245
	- Nội nghiệp	Ha		<b>2.428,82</b>		<b>442.518.508</b>
			2	1.020,00	174.262	177.747.287
			3	1.408,82	187.938	264.771.221
<b>III</b>	<b>ĐĂNG KÝ, CẤP GCN</b>			<b>9.277</b>		<b>1.494.569.189</b>
1	Cấp mới GCN tại xã	Giấy	1	386	147.365	56.882.973
2	Cấp mới GCN tại phường	Giấy	2	113	208.945	23.610.782
3	Cấp đổi GCN tại xã	Giấy		<b>6.779</b>		<b>1.005.287.430</b>
3.1	Khó khăn 1		1	3.390		481.526.146
	- Trường hợp thửa đất có thay đổi về hình dạng, diện tích ... Khi lập hồ sơ cấp đổi phải thông qua hội đồng xét duyệt (tạm tính 90% số giấy cấp đổi)			3.051	147.365	449.611.271
	- Trường hợp thửa đất không thay đổi so với diện tích đã cấp GCN (tạm tính 10% số thửa cấp đổi)			339	94.144	31.914.875
3.2	Khó khăn 2		2	3.389		523.761.284
	- Trường hợp thửa đất có thay đổi về hình dạng, diện tích ... Khi lập hồ sơ cấp đổi phải thông qua hội đồng xét duyệt (tạm tính 90% số giấy cấp đổi)			3.050	160.757	490.308.578



	- Trường hợp thửa đất không thay đổi so với diện tích đã cấp GCN (tạm tính 10% số thửa cấp đổi)			339	98.681	33.452.706
<b>4</b>	<b>Cấp đổi GCN tại phường</b>			<b>1.999</b>		<b>408.788.005</b>
<b>4.1</b>	<b>Khó khăn 2</b>		<b>2</b>	<b>999</b>		<b>199.510.208</b>
	- Trường hợp thửa đất có thay đổi về hình dạng, diện tích ... Khi lập hồ sơ cấp đổi phải thông qua hội đồng xét duyệt (tạm tính 90% số giấy cấp đổi)			899	208.945	187.841.527
	- Trường hợp thửa đất không thay đổi so với diện tích đã cấp GCN (tạm tính 10% số thửa cấp đổi)			100	116.687	11.668.681
<b>4.2</b>	<b>Khó khăn 3</b>		<b>3</b>	<b>1.000</b>		<b>209.277.797</b>
	- Trường hợp thửa đất có thay đổi về hình dạng, diện tích ... Khi lập hồ sơ cấp đổi phải thông qua hội đồng xét duyệt (tạm tính 90% số giấy cấp đổi)			899	219.334	197.181.268
	- Trường hợp thửa đất không thay đổi so với diện tích đã cấp GCN (tạm tính 10% số thửa cấp đổi)			101	119.768	12.096.529
	<b>CỘNG (I+II+III)</b>					<b>7.581.726.182</b>
<b>A</b>	<b>Cộng ngoại nghiệp</b>					<b>5.160.224.300</b>
<b>B</b>	<b>Cộng nội nghiệp</b>					<b>2.421.501.882</b>
<b>B.1</b>	- Thành lập bản đồ địa chính					926.932.693
<b>B.2</b>	- ĐKTK, cấp GCN					1.494.569.189
<b>C</b>	<b>Chi phí trực tiếp ngoại nghiệp</b>					4.128.179.440
<b>D</b>	<b>Chi phí trực tiếp nội nghiệp</b>					2.072.069.293
<b>D.1</b>	- Thành lập bản đồ địa chính					772.443.911
<b>D.2</b>	- ĐKTK, cấp GCN					1.299.625.382
<b>IV</b>	<b>CHI KHÁC</b>					<b>410.292.681</b>
<b>1</b>	<b>Chi khảo sát lập TKKT-DT</b>					<b>131.238.652</b>
	- Ngoại nghiệp (2,376% *C)					98.085.543
	- Nội nghiệp (1,6% *D)					33.153.109
<b>2</b>	<b>Chi kiểm tra nghiệm thu</b>					<b>279.054.028</b>
	- Ngoại nghiệp (4% *A)					206.408.972
	- Nội nghiệp (3% *B)					72.645.056
<b>V</b>	<b>THUẾ GTGT: (10%)</b>					<b>27.905.403</b>
<b>VI</b>	<b>Tổng dự toán kinh phí KTNT</b>					<b>306.959.431</b>
	<b>Làm tròn</b>					<b>306.959.000</b>

(Tổng số tiền bằng chữ: Ba trăm linh sáu triệu chín trăm năm mươi chín nghìn đồng chẵn).



44/2012

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG**

Số: 55 /2015/PLHD

Về việc thay đổi thông tin Bên A và điều chỉnh thời gian thực hiện  
số 55/2012/HĐKT ngày 25 tháng 9 năm 2012.

**I/ Căn cứ để ký phụ lục hợp đồng:**

Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 55/2012/HĐKT ngày 25 tháng 9 năm 2012 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang với Công ty tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất về việc Kiểm tra, thẩm định và Nghiệm thu sản phẩm “ Xây dựng lưới địa chính, thành lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất xã Đại Thành và phường Hiệp Thành, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang”;

Căn cứ Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc điều chỉnh thời gian thực hiện Dự án đo đạc tổng thể tỉnh Hậu Giang tại Điều 1 Quyết định số 2738/QĐ-UBND ngày 11/12/2008 của UBND tỉnh Hậu Giang;

Căn cứ Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 2 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc bổ nhiệm ông Hồ Văn Phú giữ chức vụ Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang.

Hôm nay, ngày 26 tháng 12 năm 2015, tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

**II/ Các bên ký phụ lục hợp đồng:**

**BÊN A: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang**

Người đại diện: Ông Hồ Văn Phú, Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Số 03, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Khu Hành chính Ủy ban, phường 5, TP.Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Điện thoại: 0711.3878894 - 3870801, Fax : 0711.3878895

Tài khoản số: 9527.2.1005849, tại: Kho bạc Nhà nước Hậu Giang.

Mã số thuế: 1800544875

**BÊN B: Công ty tư vấn Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất**

Người đại diện: PGS – TS. Trần Đình Kiên, Chức vụ: Giám đốc.





Địa chỉ trụ sở chính: số 36, ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Văn phòng giao dịch: Tầng 1-nhà A-Trường Đại học Mỏ - Địa chất - Đông Ngạc - Từ Liêm - Hà Nội.

Điện thoại: 043.7550428, Fax: 043.7550428

Tài khoản số: 102010000686178 tại: Ngân hàng Công thương Việt Nam - chi nhánh Nam Thăng Long - Hà Nội.

Mã số thuế: 0101074336

### **CÁC BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG VỚI CÁC ĐIỀU KHOẢN SAU:**

#### **Điều 1: Thay đổi thông tin Bên A:**

**\* Thông tin Bên A theo hợp đồng:**

Đại diện: Ông **Nguyễn Văn Huyền** chức vụ: **Giám đốc.**

Địa chỉ: Số 3, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Tài khoản số: 8123.2.1995849, tại: Kho bạc Nhà nước Hậu Giang.

**\* Nay thay đổi thành:**

Người đại diện: Ông **Hồ Văn Phú**, Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: Số 03, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Khu Hành chính Ủy ban, phường 5, TP.Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Tài khoản số: 9527.2.1005849, tại: Kho bạc Nhà nước Hậu Giang.

#### **Điều 2: Điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng:**

Sửa đổi thời gian thực hiện hợp đồng của Điều 4 Hợp đồng số 55/2012/HĐKT ngày 25 tháng 9 năm 2012 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang và Công ty tư vấn Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất như sau:

Thời gian thực hiện hợp đồng kể từ ngày ký kết đến hết ngày 31/12/2018.

#### **Điều 3: Điều khoản chung**

- Phụ lục hợp đồng này là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng kinh tế số 55/2012/HĐKT ngày 25 tháng 9 năm 2012 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang với Công ty tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất.

- Các điều khoản khác thực hiện như đã ghi trong Hợp đồng số 55/2012/HĐKT ngày 25 tháng 9 năm 2012 và phụ lục hợp đồng đã ký.





- Phụ lục hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 10 (mười) bộ, Bên A giữ 08 (tám) bộ, Bên B giữ 02 (hai) bộ, các bộ Phụ lục hợp đồng này có giá trị pháp lý như nhau./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**



GIÁM ĐỐC

*[Handwritten signature]*  
**Hồ Văn Phú**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



GIÁM ĐỐC

*[Handwritten signature]*  
**PGS.TS. Trần Đình Kiên**





Phụ lục 3a

**BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ  
KHỐI LƯỢNG, CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH THEO HỢP ĐỒNG ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN  
MÃ DỰ ÁN: 55/2012/HDKT**

**Tên dự án:** Kiểm tra, Thẩm định và Nghiệm thu sản phẩm "Xây dựng lưới địa chính, thành lập bản đồ và hồ sơ địa chính, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất xã Đại Thành và phường Hiệp Thành, Thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang".

**Tên gói thầu:** Kiểm tra, Thẩm định và Nghiệm thu sản phẩm "Xây dựng lưới địa chính, thành lập bản đồ và hồ sơ địa chính, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất xã Đại Thành và phường Hiệp Thành, Thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang".

**Hợp đồng số:** 55/2012/HDKT ngày 25 tháng 09 năm 2012

**Bên giao thầu:** SỐ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẬU GIANG

**Bên nhận thầu:** CÔNG TY TƯ VẤN TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

**Thanh toán lần thứ:** 01

**Căn cứ xác định:** Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng sản phẩm công đoạn công trình ngày 19 tháng 12 năm 2013.



TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Khối lượng			Đơn giá thanh toán	Thành tiền (đồng)			Ghi chú	
			KK	KL	Thực hiện đến kỳ trước		Theo HĐ	Lũy kế đến kỳ trước	Thực hiện		
									Thực hiện kỳ này		Thực hiện kỳ này
I	Xây dựng lưới địa chính			156		196.728.001		200.280.574			
1	Chọn điểm, chôn mốc bê tông	Điểm	2	37		73.705.670		74.311.746			
2	Xây tường vây	Điểm	2	37		65.907.802		68.442.313			
3	Tiếp điểm có tường vây	Điểm	3	4		1.641.741		1.940.720			
4	Đo, ngắm GPS, phục vụ KTN	Điểm	2	41		46.575.281		46.688.287			
5	Tính toán bình sai GPS	Điểm	1-5	37		8.897.507		8.897.507			
II	Đo vẽ bản đồ địa chính					5.890.428.992		6.106.080.365			
I	<b>Đo BDDC tỷ lệ 1/1.000</b>			<b>1.023,27</b>		<b>3.613.425.802</b>		<b>3.868.008.843</b>			
	- Ngoại nghiệp					3.129.011.617		3.354.810.877			
		Ha	3	500,00		1.286.592.165		1.293.380.927			
		Ha	4	523,27		1.842.419.452		2.061.429.950			
	- Nội nghiệp					484.414.185		513.197.966			
		Ha	3	500,00		226.861.370		226.861.370			
		Ha	4	523,27		257.552.816		286.336.596			
2	<b>Đo BDDC tỷ lệ 1/2.000</b>			<b>2.428,82</b>		<b>2.277.003.189</b>		<b>2.238.071.522</b>			
	- Ngoại nghiệp					1.834.484.682		1.803.264.638			
		Ha	2	1.020,00		709.192.437		673.987.565			
						698.961					







2	Tổng nội nghiệp							2.421.501.882	946.004.850
a	Nội nghiệp bản đồ							926.932.693	946.004.850
b	Nội nghiệp cấp giấy							1.494.569.189	0
V	Chi kiểm tra nghiệm thu							279.054.028	242.794.389
I	- Ngoại nghiệp (4% *IV.1)						4%	206.408.972	214.414.244
2	- Nội nghiệp (3%*IV.2.a+4%*IV.2.b)							72.645.056	28.380.146
	+ Đo BĐDC							27.807.981	28.380.146
	+ Đăng ký cấp giấy CNQSDĐ							44.837.076	0
	Thuế VAT (10%)							27.905.403	24.279.439
	TỔNG CỘNG V							306.959.431	267.073.828
	LÀM TRON							306.959.000	267.073.000

- Giá trị hợp đồng 306.959.000 đồng
  - Giá trị tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước 122.783.600 đồng
  - Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước 267.073.000 đồng
  - Lưu kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này
  - Chiết khấu tiền tạm ứng
  - Giá trị để nghị thanh toán kỳ này (90% giá trị khối lượng hoàn thành) 240.365.700 đồng
    - + Thanh toán tạm ứng 122.783.600 đồng
    - + Thanh toán khối lượng hoàn thành 117.582.100 đồng
- Số tiền bằng chữ : Một trăm mười bảy triệu năm trăm tám mươi hai nghìn một trăm đồng.
- Lưu kế giá trị thanh toán:

Ngày 23 tháng 12 năm 2013

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO THẦU



GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Văn Huyền

Ngày 23 tháng 12 năm 2013

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN THẦU



GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Trần Đình Kiên



44/2012

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG**

**(Số: 02-55/2012/PLHD)**

**Về việc điều chỉnh giá trị Hợp đồng số 55/2012/HĐKT ngày 25/9/2012**

Căn cứ Hợp đồng số 55/2012/HĐKT ngày 25 tháng 9 năm 2012 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang với Công ty tư vấn Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất về việc Kiểm tra, Thẩm định và Nghiệm thu sản phẩm: “Xây dựng lưới địa chính, thành lập bản đồ và hồ sơ địa chính, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất xã Đại Thành và phường Hiệp Thành, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang”;

Căn cứ Phụ lục hợp đồng số 01-55/2012/PLHD ngày 23/10/2023;

Căn cứ Thông báo số 415/TB-KV V ngày 05/7/2021 của Kiểm toán nhà nước khu vực V.

Hôm nay, ngày 1 tháng 11 năm 2023, tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang, chúng tôi gồm:

**1. Chủ đầu tư (gọi tắt là Bên A)**

**Tên Chủ đầu tư: SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HẬU GIANG**

Đại diện: Ông **Lê Quốc Việt** Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: Số 03, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 5, TP. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Điện thoại : 0293.3878894 - 3870801, Fax : 0293.3878895

Tài khoản số : 9527.2.1005849, tại: Kho bạc Nhà nước Hậu Giang.

Mã số thuế : 1800544875.

**2. Bên nhận thầu (gọi tắt là Bên B)**

**Tên Nhà thầu: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT**

Đại diện: **PGS – TS. Trần Đình Kiên** Chức vụ: **Giám đốc.**

Địa chỉ: Số 36, ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 043.7550428, Fax: 043.7550428

Tài khoản: 102010000686178 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Nam Thăng Long – Hà Nội.

Mã số thuế: 0101074336.





Hai bên thỏa thuận ký kết phụ lục hợp đồng để điều chỉnh Hợp đồng dịch vụ tư vấn số 55/2012/HĐKT ngày 25 tháng 9 năm 2012 với các điều khoản sau:

**Điều 1: Điều chỉnh Điều 5: Giá trị Hợp đồng**

- Điều chỉnh giảm khối lượng kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu sản phẩm đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Thông báo số 415/TB-KV V ngày 05/7/2021 của Kiểm toán nhà nước khu vực V.

+ Giá trị hợp đồng: **306.959.000 đồng.**

+ Giá trị điều chỉnh giảm khối lượng kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu đăng ký cấp giấy chứng nhận: **45.112.218 đồng.**

- Giá trị hợp đồng sau điều chỉnh: 306.959.000 đồng - 45.112.218 đồng = **261.846.782 đồng** (Số tiền bằng chữ: Hai trăm sáu mươi một triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm tám mươi hai đồng).

**Làm tròn số 261.846.000 đồng** (Số tiền bằng chữ: Hai trăm sáu mươi một triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

(Kèm phụ lục chi tiết)

- Giá trị quyết toán là giá trị được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 2. Điều khoản chung**

- Phụ lục hợp đồng này là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng dịch vụ tư vấn số 55/2012/HĐKT ngày 25 tháng 9 năm 2012 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang với Công ty tư vấn Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mô - Địa chất.

- Các điều khoản khác của Hợp đồng dịch vụ tư vấn số 55/2012/HĐ ngày 25 tháng 9 năm 2012 là không thay đổi và vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

- Phụ lục hợp đồng này được lập thành 10 bản, có nội dung và giá trị như nhau, bên A giữ 08 bản, bên B giữ 02 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A  
GIÁM ĐỐC



Lê Quốc Việt

ĐẠI DIỆN BÊN B  
GIÁM ĐỐC



PGS TS. Trần Đình Kiên





**PHỤ LỤC CHI TIẾT**

Kiểm tra, Thẩm định và Nghiệm thu sản phẩm: "Xây dựng lưới địa chính, thành lập bản đồ và hồ sơ địa chính, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất xã Đại Thành và phường Hiệp Thành, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang"

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐVT	Loại KK	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
<b>I</b>	<b>XÂY DỰNG LƯỚI ĐỊA CHÍNH</b>			<b>37</b>		<b>196.728.001</b>	
1	Chọn điểm, chôn mốc bê tông	Điểm	2	37	1.992.045	73.705.670	
2	Xây tường vây	Điểm	2	37	1.781.292	65.907.802	
3	Tiếp điểm có tường vây	Điểm	3	4	410.435	1.641.741	
4	Đo ngắm GPS, phục vụ KTNT	Điểm	2	41	1.135.982	46.575.281	
5	Tính toán bình sai	Điểm	2	37	240.473	8.897.507	
<b>II</b>	<b>ĐO VẼ BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH</b>			<b>3.396,36</b>		<b>5.841.969.040</b>	
<b>1</b>	<b>Đo vẽ BĐĐC tỷ lệ 1/1.000</b>			<b>1.023,27</b>		<b>3.613.425.802</b>	
	- Ngoại nghiệp	Ha		1.023,27		3.129.011.617	
			3	500,00	2.573.184	1.286.592.165	
			4	523,27	3.520.973	1.842.419.452	
	- Nội nghiệp	Ha		1.023,27		484.414.185	
			3	500,00	453.723	226.861.370	
			4	523,27	492.199	257.552.816	
<b>2</b>	<b>Đo vẽ BĐĐC tỷ lệ 1/2.000</b>			<b>2.373,09</b>		<b>2.228.3.237</b>	
	Ngoại nghiệp			2.373,09		1.795.736.354	
			2	964,27	695.287	670.444.109	
			3	1.408,82	798.748	1.125.292.245	
	Nội nghiệp			2.373,09		432.806.884	
			2	964,27	174.262	168.035.663	
			3	1.408,82	187.938	264.771.221	
<b>III</b>	<b>ĐĂNG KÝ, CẤP GCN</b>			<b>9.277</b>		<b>1.494.569.189</b>	
<b>1</b>	<b>Cấp mới GCN tại xã</b>	Giấy	1	<b>386</b>	<b>147.365</b>	<b>56.882.973</b>	
<b>2</b>	<b>Cấp mới GCN tại phường</b>	Giấy	2	<b>113</b>	<b>208.945</b>	<b>23.610.782</b>	
<b>3</b>	<b>Cấp đổi GCN tại xã</b>	Giấy		<b>6.779</b>		<b>1.005.287.430</b>	
<b>3.1</b>	<b>Khó khăn 1</b>		<b>1</b>	<b>3.390</b>		<b>481.526.146</b>	
	- Trường hợp thửa đất có thay đổi về hình dạng, diện tích...khi lập hồ sơ cấp đổi phải thông qua hội đồng xét duyệt (tạm tính 90% số giấy cấp đổi)			3.051	147.365	449.611.271	
	- Trường hợp thửa đất không thay đổi so với diện tích đã cấp Giấy chứng nhận (tạm tính 10% số thửa cấp đổi)			339	94.144	31.914.875	
<b>3.2</b>	<b>Khó khăn 2</b>		<b>2</b>	<b>3.389</b>		<b>523.761.284</b>	
	- Trường hợp thửa đất có thay đổi về hình dạng, diện tích...khi lập hồ sơ cấp đổi phải thông qua hội đồng xét duyệt (tạm tính 90% số giấy cấp đổi)			3.050	160.757	490.308.578	
	- Trường hợp thửa đất không thay đổi so với diện tích đã cấp Giấy chứng nhận (tạm tính 10% số thửa cấp đổi)			339	98.681	33.452.706	
<b>4</b>	<b>Cấp đổi GCN tại phường</b>	Giấy		<b>1.999</b>		<b>408.788.005</b>	
<b>4.1</b>	<b>Khó khăn 2</b>		<b>2</b>	<b>999</b>		<b>199.510.208</b>	
	- Trường hợp thửa đất có thay đổi về hình dạng, diện tích...khi lập hồ sơ cấp đổi phải thông qua hội đồng xét duyệt (tạm tính 90% số giấy cấp đổi)			899	208.945	187.841.527	
	- Trường hợp thửa đất không thay đổi so với diện tích đã cấp Giấy chứng nhận (tạm tính 10% số thửa cấp đổi)			100	116.687	11.668.681	
<b>4.2</b>	<b>Khó khăn 3</b>		<b>3</b>	<b>1.000</b>		<b>209.277.797</b>	





	- Trường hợp thửa đất có thay đổi về hình dạng, diện tích... khi lập hồ sơ cấp đổi phải thông qua hội đồng xét duyệt (tạm tính 90% số giấy cấp đổi)			899	219.334	197.181.268	
	- Trường hợp thửa đất không thay đổi so với diện tích đã cấp Giấy chứng nhận (tạm tính 10% số thửa cấp đổi)			101	119.768	12.096.529	
<b>IV</b>	<b>CỘNG (I+II+III)</b>					<b>7.533.266.230</b>	
<b>A</b>	Cộng ngoại nghiệp					5.112.578.465	
<b>B</b>	Cộng nội nghiệp					2.420.687.765	
<b>V</b>	<b>Chi kiểm tra nghiệm thu</b>					<b>238.042.530</b>	
	- Ngoại nghiệp (4% *A)					<b>206.433.004</b>	
	- Nội nghiệp (3% *B)					<b>31.609.526</b>	
<b>VI</b>	<b>THUẾ GTGT 10%</b>					<b>23.804.253</b>	
	<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>261.846.782</b>	
	<b>LÀM TRÒN</b>					<b>261.846.000</b>	

Số tiền bằng chữ: Hai trăm sáu mươi một triệu tám trăm bốn mươi sáu ngàn đồng.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Lê Quốc Việt

ĐẠI DIỆN BÊN B



PGS TS Trần Đình Kiên





44/2012

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG**

**(Số: 01-55/2012/PLHD)**

**Về việc điều chỉnh thời gian thực hiện Hợp đồng và thông tin chủ đầu tư**  
**Hợp đồng số 55/2012/HĐKT ngày 25/9/20112**

Căn cứ Hợp đồng số 55/2012/HĐKT ngày 25 tháng 9 năm 2012 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang với Công ty tư vấn Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất về việc Kiểm tra, Thẩm định và Nghiệm thu sản phẩm: “Xây dựng lưới địa chính, thành lập bản đồ và hồ sơ địa chính, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất xã Đại Thành và phường Hiệp Thành, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang”;

Căn cứ Công văn số 4264/VP.UBND-NCTH ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc thực hiện ký phụ lục hợp đồng với các đơn vị đo đạc thực hiện dự án tổng thể xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai tỉnh Hậu Giang, giai đoạn 2008-2010, định hướng đến 2025;

Căn cứ Biên bản họp Ban Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang ngày 19 tháng 10 năm 2023.

Hôm nay, ngày 11 tháng 11 năm 2023, tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang, chúng tôi gồm:

**1. Chủ đầu tư (gọi tắt là bên A)**

**Tên Chủ đầu tư: SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HẬU GIANG**

Đại diện: Ông **Lê Quốc Việt** Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: Số 03, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 5, TP. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Điện thoại : 0293.3878894 - 3870801, Fax : 0293.3878895

Tài khoản số : 9527.2.1005849, tại: Kho bạc Nhà nước Hậu Giang.

Mã số thuế : 1800544875.

**2. Bên nhận thầu (gọi tắt là Bên B)**

**Tên Nhà thầu: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT**





Đại diện: **PGS – TS. Trần Đình Kiên** Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số 36, ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 043.7550428, - Fax: 043.7550428

Tài khoản: 111000037499 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Nam Thăng Long – Hà Nội.

Mã số thuế: 0101074336.

Hai bên thỏa thuận ký kết phụ lục hợp đồng để điều chỉnh Hợp đồng số 55/2012/HĐKT ngày 25 tháng 9 năm 2012 với các điều khoản sau:

**Điều 1: Điều chỉnh thông tin Bên A:**

+ Trước khi điều chỉnh:

Đại diện: Ông **Nguyễn Văn Huyền** Chức vụ: **Giám đốc**

+ Sau khi điều chỉnh:

Đại diện: Ông **Lê Quốc Việt** Chức vụ: **Giám đốc**

**Điều 2: Điều chỉnh Điều 4 Thời gian thực hiện Hợp đồng**

- Thời gian thực hiện hợp đồng kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2023.

**Điều 3. Điều khoản chung**

- Phụ lục hợp đồng này là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng số 55/2012/HĐ ngày 25 tháng 9 năm 2012 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang với Công ty tư vấn Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất.

- Các điều khoản khác của Hợp đồng số 55/2012/HĐ ngày 25 tháng 9 năm 2012 là không thay đổi và vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

- Phụ lục hợp đồng này được lập thành 10 bản, có nội dung và giá trị như nhau, bên A giữ 08 bản, bên B giữ 02 bản./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**GIÁM ĐỐC**



**Lê Quốc Việt**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

**GIÁM ĐỐC**



**PGS.TS Trần Đình Kiên**





**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG**

**(Số: 03-55/2012/PLHD)**

**Về việc điều chỉnh phương thức thanh toán Hợp đồng số 55/2012/HĐKT  
ngày 25/9/20112**

Căn cứ Hợp đồng số 55/2012/HĐKT ngày 25 tháng 9 năm 2012 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang với Công ty tư vấn Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất về việc Kiểm tra, Thẩm định và Nghiệm thu sản phẩm: “Xây dựng lưới địa chính, thành lập bản đồ và hồ sơ địa chính, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất xã Đại Thành và phường Hiệp Thành, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang”;

Căn cứ các phụ lục hợp đồng số: 01-55/2012/PLHD ngày 23/10/2023, 02-55/2012/PLHD ngày 01/11/2023;

Hôm nay, ngày 01 tháng 12 năm 2023, tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang, chúng tôi gồm:

**1. Chủ đầu tư (gọi tắt là bên A)**

**Tên Chủ đầu tư: SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HẬU GIANG**

Đại diện: Ông **Lê Quốc Việt** Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: Số 03, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 5, TP. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Điện thoại : 0293.3878894 - 3870801, Fax : 0293.3878895

Tài khoản số : 9527.2.1005849, tại: Kho bạc Nhà nước Hậu Giang.

Mã số thuế : 1800544875.

**2. Bên nhận thầu (gọi tắt là Bên B)**

**Tên Nhà thầu: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT**

Đại diện: **PGS – TS. Trần Đình Kiên** Chức vụ: **Giám đốc.**

Địa chỉ: Số 36, ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 043.7550428, Fax: 043.7550428

Tài khoản: 111000037499 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Nam Thăng Long – Hà Nội.

Mã số thuế: 0101074336.





Hai bên thỏa thuận ký kết phụ lục hợp đồng để điều chỉnh Hợp đồng số 55/2012/HĐKT ngày 25 tháng 9 năm 2012 với các điều khoản sau:

**Điều 1: Điều chỉnh Điều 6 thanh toán Hợp đồng**

- Thanh toán được chia thành nhiều đợt và theo khối lượng được nghiệm thu và theo Kế hoạch vốn của cấp có thẩm quyền giao.

- Lần 1: Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu 240.365.700 đồng *Hai trăm bốn mươi triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm đồng*), trong đó bao gồm thu hồi 100% phần tạm ứng ban đầu là 122.783.600 đồng *(Một trăm hai mươi hai triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm đồng)*.

- Lần 2: Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu 16.542.000 đồng *(Mười sáu triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn đồng)*.

- Lần 3: Chủ đầu tư thanh toán đến 100% giá trị hợp đồng khi bên B hoàn thành tất cả các nội dung công việc của Hợp đồng và được bên A nghiệm thu hoàn thành và theo kế hoạch phân bổ vốn hàng năm.

*Hồ sơ thanh toán gồm:*

- Văn bản đề nghị thanh toán của nhà thầu.
- Biên bản xác nhận khối lượng thực hiện công trình.
- Bản xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành.
- Biên bản thành lý từng lần thanh toán.
- Hóa đơn giá trị gia tăng tương ứng với số tiền được thanh toán.

**Điều 2. Điều khoản chung**

- Phụ lục hợp đồng này là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng số 55/2012/HĐ ngày 25 tháng 9 năm 2012 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang với Công ty tư vấn Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất.

- Các điều khoản khác của Hợp đồng số 55/2012/HĐ ngày 25 tháng 9 năm 2012 là không thay đổi và vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

- Phụ lục hợp đồng này được lập thành 10 bản, có nội dung và giá trị như nhau, bên A giữ 08 bản, bên B giữ 02 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A  
GIÁM ĐỐC



Lê Quốc Việt

ĐẠI DIỆN BÊN B  
GIÁM ĐỐC



Trần Đình Kiên



Mẫu số 08a  
Mã hiệu: .....  
Số: .....

### BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH

(áp dụng đối với các khoản chi khoản chi thường xuyên, chi sự nghiệp có tính chất thường xuyên, chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu sử dụng kinh phí sự nghiệp)

- Đơn vị sử dụng ngân sách: **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang**
- Mã đơn vị: **1005849** Mã nguồn: **12**
- Mã CTMTQG, Dự án ODA:.....

4. Căn cứ Hợp đồng số: 55/2012/HĐKT ngày 25/9/2012, PLHD số: 01-55/2012/PLHD ngày 23/10/2023, 02-55/2012/PLHD ngày 01/11/2023, 03-55/2012/PLHD ngày /12/2023 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang và Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất; giá trị hợp đồng và PLHD đã ký: **261.846.000 đồng**

5. Căn cứ Biên bản nghiệm thu ngày 19 tháng 12 năm 2013 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang và Công ty TNHH Tư vấn, Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất

Đơn vị: đồng

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
<b>I</b>	<b>XÂY DỰNG LƯỚI ĐỊA CHÍNH</b>				<b>196.728.001</b>
1	Chọn điểm, chôn mốc bê tông	Điểm	37	1.992.045	73.705.670
2	Xây tường vây	Điểm	37	1.781.292	65.907.802
3	Tiếp điểm có tường vây	Điểm	4	410.435	1.641.741
4	Đo ngắm GPS, Phục vụ KTNT	Điểm	41	1.135.982	46.575.281
5	Tính toán bình sai	Điểm	37	240.473	8.897.507
<b>II</b>	<b>ĐO VẼ BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH</b>				<b>5.841.969.041</b>
<b>1</b>	<b>Đo vẽ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1.000</b>		-		<b>3.613.425.802</b>
	<i>Ngoại nghiệp</i>	<i>Ha</i>			<b>3.129.011.617</b>
			500,00	2.573.184	1.286.592.165
			523,27	3.520.973	1.842.419.452
	<i>Nội nghiệp</i>	<i>Ha</i>			<b>484.414.185</b>
			500,00	453.723	226.861.370
			523,27	492.199	257.552.816
<b>2</b>	<b>Đo vẽ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2.000</b>		-		<b>2.228.543.238</b>
	<i>Ngoại nghiệp</i>	<i>Ha</i>			<b>1.795.736.354</b>
			964,27	695.287	670.444.109
			1.408,82	798.748	1.125.292.245





	Nội nghiệp	Ha			432.806.885
			964,27	174.262	168.035.663
			1.408,82	187.938	264.771.221
<b>III</b>	<b>ĐĂNG KÝ THỐNG KÊ, CẤP GCNQSDĐ</b>				<b>1.473.650</b>
<b>1</b>	<b>Cấp mới tại xã</b>	Giấy	10	147.365	<b>1.473.650</b>
<b>2</b>	<b>Cấp mới tại phường</b>	Giấy		208.945	0
<b>3</b>	<b>Cấp đổi GCNQSDĐ tại xã</b>				0
<b>3.1</b>	<b>Khó khăn 1</b>				0
	- Trường hợp thửa đất có thay đổi về hình dạng, diện tích... khi lập hồ sơ cấp đổi phải thông qua hội đồng xét duyệt (tạm tính 90% số Giấy cấp đổi)	Giấy		147.365	0
	- Trường hợp thửa đất không thay đổi so với diện tích đã cấp Giấy chứng nhận (tạm tính 10% số Giấy cấp đổi)	Giấy		94.144	0
<b>3.2</b>	<b>Khó khăn 2</b>				0
	- Trường hợp thửa đất có thay đổi về hình dạng, diện tích... khi lập hồ sơ cấp đổi phải thông qua hội đồng xét duyệt (tạm tính 90% số Giấy cấp đổi)	Giấy		160.757	0
	- Trường hợp thửa đất không thay đổi so với diện tích đã cấp Giấy chứng nhận (tạm tính 10% số Giấy cấp đổi)	Giấy		98.681	0
<b>IV</b>	<b>CỘNG (I+II+III)</b>				<b>6.040.170.692</b>
<b>1</b>	<b>Cộng ngoại nghiệp</b>				<b>5.112.578.465</b>
<b>2</b>	<b>Cộng nội nghiệp</b>				<b>927.592.227</b>
	- Bản đồ địa chính				927.592.227
<b>B</b>	<b>Chi kiểm tra nghiệm thu</b>				<b>234.193.916</b>
	- Ngoại nghiệp (4%*VI.1)				206.366.150
	- Nội nghiệp (3%*(V.2.a + VI.2.b))				27.827.767
<b>C</b>	<b>Thuế GTGT: (10%)</b>				<b>23.419.392</b>
	<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>257.613.307</b>

H.C  
SỞ  
GUY  
TRU  
HÀU



6. Lũy kế thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước : **240.365.700 đồng**

- Thanh toán tạm ứng: 00 đồng      - Thanh toán trực tiếp: **240.365.700 đồng**

7. Số dư tạm ứng đến cuối kỳ trước: **0 đồng**

8. Số đề nghị thanh toán kỳ này: **16.542.000 đồng**

- Thanh toán tạm ứng: 0 đồng      - Thanh toán trực tiếp: 16.542.000 đồng

Ngày tháng năm 2023 *us*

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Lê Quốc Việt

**ĐẠI DIỆN NHÀ CUNG CẤP  
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ**



**GIÁM ĐỐC**

*PGS.TS. Trần Đình Kiên*





**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN THANH LÝ**

Công trình: Kiểm tra, Thẩm định và Nghiệm thu sản phẩm: “Xây dựng lưới địa chính, thành lập bản đồ và hồ sơ địa chính, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất xã Đại Thành và phường Hiệp Thành, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang”;

Căn cứ Hợp đồng số 55/2012/HĐKT ngày 25 tháng 9 năm 2012 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang với Công ty tư vấn Triển khai Công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất về việc Kiểm tra, Thẩm định và Nghiệm thu sản phẩm: “Xây dựng lưới địa chính, thành lập bản đồ và hồ sơ địa chính, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất xã Đại Thành và phường Hiệp Thành, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang”;

Căn cứ vào hồ sơ Nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm công đoạn Kiểm tra, Thẩm định và Nghiệm thu sản phẩm: “Xây dựng lưới địa chính, thành lập bản đồ và hồ sơ địa chính, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất xã Đại Thành và phường Hiệp Thành, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang”;

Căn cứ các phụ lục hợp đồng số: 01-55/2012/PLHĐ ngày 23/10/2023, 02-55/2012/PLHĐ ngày 01/11/2023, 03-55/2012/PLHĐ ngày /12/2023;

Hôm nay, ngày 21 tháng 12 năm 2023, tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang, chúng tôi gồm:

**ĐẠI DIỆN BÊN A: SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HẬU GIANG**

Người đại diện: **Ông Lê Quốc Việt** Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: Số 03, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Khu Hành chính Ủy ban, phường 5, TP.Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Điện thoại: 0293.3878894 - 3870801, Fax : 0293.3878895

Tài khoản số: 9527.2.1005849, tại: Kho bạc Nhà nước Hậu Giang.

Mã số thuế: 1800544875.





**ĐẠI DIỆN BÊN B: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI  
CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT**

Người đại diện: **PGS.TS Trần Đình Kiên** Chức vụ: **Giám đốc.**

Địa chỉ: Số 36, ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại: 043.7550428, Fax: 043.7550428

Tài khoản: 111000037499 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam,  
chi nhánh Nam Thăng Long – Hà Nội.

Mã số thuế: 0101074336.

Hai bên thống nhất lập biên bản thanh lý hợp đồng 55/2012/HĐKT ngày 25  
tháng 9 năm 2012, như sau:

**I. Giá trị thanh lý: 257.613.307 đồng**

*(Số tiền bằng chữ: Hai trăm năm mươi bảy triệu sáu trăm mười ba ngàn  
ba trăm lẻ bảy đồng).*

**II. Số tiền đã thanh toán cho nhà thầu: 240.365.700 đồng**

**III Số tiền còn thanh toán:**

**257.613.307 đồng - 240.365.700 đồng = 17.247.607 đồng**

**III. Số tiền thanh toán đợt này: 16.542.000 đồng (làm tròn)**

*(Số tiền bằng chữ: Mười sáu triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn đồng)*

**IV. Số tiền chưa thanh toán: 705.607 đồng (Bảy trăm lẻ năm ngàn sáu trăm lẻ  
bảy đồng)**

Theo bản Thanh lý này Bên B phải giao cho Bên A hóa đơn giá trị gia tăng  
thì bên A sẽ thanh toán số tiền nêu trên cho Bên B.

X.H.C  
SỞ  
NGUYỄN  
ĐI TRU  
HẦU



Biên bản thanh lý được lập thành 10 bản có giá trị như nhau, bên A giữ 06 bản, bên B giữ 04 bản./.

~~BÊN A~~  
GIÁM ĐỐC



Lê Quốc Việt

BÊN B  
GIÁM ĐỐC



Trần Đình Kiên





**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT**

Mã số thuế: 0101074336

Địa chỉ: Số 36, ngõ 30, phố Tạ Quang Bửu - Phường Bách Khoa - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: 02437550428

Email: codeco.mdc@gmail.com

Số tài khoản: 111000037499

NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 29 tháng 12 năm 2023

Mã của cơ quan thuế: 00F49594C4B6A04AD683BCAED9609EB23A

Ký hiệu: 1C23TMD

Số: 111

Họ và tên người mua hàng:

Tên đơn vị: **SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HẬU GIANG**

Địa chỉ: Số 03 - Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh - Phường 5 - Thành Phố Vị Thanh - Tỉnh Hậu Giang.

Số tài khoản: 9527.2.1005849 Tại: Kho bạc Nhà nước Hậu Giang.

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Mã số thuế: 1800544875

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Giá trị còn lại của hợp đồng số 55/2012/HĐKT, ký ngày 25/09/2012 về việc: Kiểm tra, Thẩm định và Nghiệm thu sản phẩm: “Xây dựng lưới địa chính, thành lập bản đồ và hồ sơ địa chính, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất xã Đại Thành và phường Hiệp Thành, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang”.	Hợp đồng	1	15.038.182	15.038.182
Cộng tiền hàng hoá, dịch vụ:					15.038.182
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			1.503.818
Tổng tiền thanh toán:					16.542.000

Số tiền bằng chữ: Mười sáu triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn đồng

Người mua hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Người bán hàng

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Signature Valid

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Ngày ký: 29/12/2023 12:47:11

Tra cứu hóa đơn tại website: <https://tracuuhoadon.mininvoice.vn/> Mã tra cứu: 4EC4D6542715F245

(Khởi tạo từ Phần mềm M-INVOICxoa số dư đky 2020E - Công ty TNHH Hóa đơn điện tử M-invoice - MST: 0106026495- SĐT : 0901 80 16 18)